

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2020

ĐVT: Đồng

NHC	Nội dung	Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	Kinh phí tư chủ	5.162.000.000	1.285.500.000	1.285.500.000	1.305.500.000	1.285.500.000
1	Chi thanh toán cho cá nhân	4.414.000.000	1.098.500.000	1.098.500.000	1.118.500.000	1.098.500.000
	Mục 6000: Tiền lương	2.105.280.400	526.320.100	526.320.100	526.320.100	526.320.100
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng					
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.466.435.116	366.608.779	366.608.779	366.608.779	366.608.779
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000			20.000.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	30.000.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	792.284.484	198.071.121	198.071.121	198.071.121	198.071.121
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	718.000.000	179.500.000	179.500.000	179.500.000	179.500.000
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	47.000.000	11.750.000	11.750.000	11.750.000	11.750.000
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	136.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	25.000.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000
	Mục 6650: Hội nghị	15.000.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000
	Mục 6700: Công tác phí	50.000.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	40.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	155.000.000	38.750.000	38.750.000	38.750.000	38.750.000
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	140.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	110.000.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình					
3	Các khoản chi khác	30.000.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
	Mục 7750: Chi khác	30.000.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000

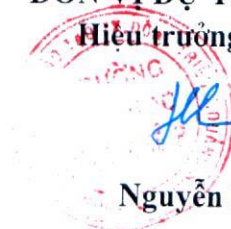
Kế toán



Đặng Thị Xim

ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

Hiệu trưởng



Nguyễn Lan Hương